

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 683/2021/HS-PT

Ngày: 21/12/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Bình;

*Các Thẩm phán:* Ông Hồ Đình Trung;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội:** Ông Phạm Đức Thắng, Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 291/2021/TLPT-HS ngày 05 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo Trần Văn H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 139/2020/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh A.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

**Trần Văn H**, sinh ngày 10/11/1978 tại huyện D, tỉnh A; nơi cư trú: Xóm Lĩnh K (xóm 1), xã Nghĩa K, huyện Đ, tỉnh A; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết); có vợ Đoàn Thị D, sinh năm 1978 và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2013); tiền án: không;

Tiền sự:

+ Ngày 18/12/2018, Trần Văn H bị UBND xã N xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Khai thác khoáng sản trái phép mà không có giấy phép khai thác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 29 Nghị định số 33/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản, với mức phạt 1.500.000 đồng theo Quyết định xử phạt số 39/QĐ-CT.UBND. Ngày 07/3/2019 Trần Văn H đã nộp 1.500.000 đồng theo biên lai xử phạt số 0020433 của UBND xã N;

+ Ngày 21/3/2019, Trần Văn H bị UBND huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Khai thác khoáng sản trái phép mà không có giấy phép khai thác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 44 Nghị định số 33/2017/NĐ-CP, với mức phạt 45.000.000 đồng, tại Quyết định xử phạt số 702/QĐ-XPVPHC. Ngày 25/5/2019, Trần Văn H đã nộp 45.000.000 đồng theo biên lai xử phạt số 0020504.

Bị cáo Trần Văn H đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 12 năm 2018, Trần Văn H mua lại 45.859m<sup>2</sup> đất trồng cây và bỏ hoang tại khu vực Đồng T, xóm L, xã N, huyện Đ, tỉnh A của anh Bùi Duy B, sinh năm 1975, trú tại xóm 4, xã Q, huyện F, tỉnh A với số tiền 390.000.000 đồng. Sau khi mua diện tích đất trên, Trần Văn H đến Ủy ban nhân dân (UBND) xã N làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do diện tích đất trên là đất thầu khoán nông nghiệp nên UBND xã N quản lý nên không làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, Trần Văn H đã nhờ ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1958, trú tại xóm An T, xã N, huyện Đ đứng ra làm hợp đồng thuê diện tích đất trên, của UBND xã N. Trên hợp đồng thuê đất đứng tên ông Nguyễn Hồng P, nhưng thực tế người sử dụng và nộp thuế là Trần Văn H. Trần Văn H đã trồng cây keo, mía và dứa khoảng 2,6 ha; diện tích đất còn lại do là đất sạ ong không trồng cây được nên H đang bỏ hoang. Ngày 08/3/2019, Trần Văn H đã nộp tiền thuê đất cho UBND xã N số tiền 10.460.000 đồng.

Ngày 24/12/2019, Trần Văn H cùng uống cà phê với Tô Anh T (T Thụ), sinh năm 1979, trú tại khối Kim T, phường Hòa H, thị xã Thái H, tỉnh A và Nguyễn Văn V, sinh năm 1983, trú tại xã Trúc L, huyện Tĩnh G, tỉnh H tại quán cà phê Bàu S, thị xã Thái H. Trong lúc nói chuyện Trần Văn H đã thống nhất cho V và T khai thác đất tại khu Đồng T, xóm L, xã N để bán. Sau đó H gọi điện cho Nguyễn Lê Y, sinh năm 1980, trú tại phường Long S, thị xã Thái H là Cổ đông Công ty Bê tông P địa chỉ tại xã Nghĩa H, huyện Đ để thuê 01 máy xúc nhãn hiệu Komatsu màu vàng để xúc đất. Đến ngày 26/12/2019, khi Công ty Bê tông P giao máy xúc thì H điện thoại thuê Đặng Quang R, sinh năm 1986, trú tại khối T 1, phường Quang T, thị xã Thái H vào khu đất Đồng T để lái máy xúc đất. Sau khi được H đồng ý, việc khai thác đất và thuê máy xúc đất thì Nguyễn Văn V, Giám đốc Công ty O có trụ sở tại Tĩnh G, Tỉnh H đã điều các xe tải loại HOWO từ Tỉnh H và A để chở đất. Số đất khai thác trên Nguyễn Văn V đã bán lại cho ông Nguyễn Bá G, sinh năm 1970, trú tại phường Q, thị xã M, A, là giám đốc Công ty I để san lấp mặt bằng với giá 45.000 đồng/1m<sup>3</sup>. Ông G thỏa thuận với V là mua của V 2000 m<sup>3</sup> và giao cho V chở đất về đổ tại bãi đất mà ông G đã thuê của V trước đó tại xã Quỳnh V, thị xã M, A. Sau đó ông G đã thuê Lê

Trung K sinh năm 1983, trú tại Tỉnh G, Tỉnh H ghi chép và kiểm đếm số đất mà xe tải của V chở về để tập kết. Ngày 27/12/2019, khi K đang xúc đất đổ lên xe cho Lê Văn J và Cao Văn X thì bị Phòng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh A kiểm tra, bắt giữ.

Tại Bản kết luận giám định ngày 07/01/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A, kết luận: “10 (mười) mẫu vật có ký hiệu 1,2,3,4 gửi giám định là khoáng sản được quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật khoáng sản 2010; 10 (mười) mẫu vật có ký hiệu 1,2,3,4 gửi giám định cùng chủng loại khoáng sản, đây là nguồn gốc phong hóa thối rữa, gọi là laterit (đất giàu sắt); tính năng công dụng của 10 (mười) mẫu vật có ký hiệu 1,2,3,4 gửi giám định: loại khoáng sản đất laterit làm nguyên liệu phụ gia xi măng hoặc san lấp.

- Tổng diện tích và khối lượng khoáng sản đã khai thác tại thửa đất thuộc khu vực Đông T, xóm L, xã N, huyện Đ có diện tích 3684m<sup>2</sup> tương ứng khoảng 5834,1m<sup>3</sup>.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 16 ngày 02/6/2020 của Hội đồng định giá của UBND tỉnh A kết luận: “Khoáng sản đất giàu sắt (laterit) khối lượng 26m<sup>3</sup> tương đương 41.600kg: 41.600kg x 25 đồng/kg = 1.104.000 đồng;

- Khoáng sản đất giàu sắt (laterit) khối lượng 157.000 kg x 25 đồng/kg = 3.925.000 đồng. Tổng giá trị 02 khoản là 4.935.000 đồng”.

\* Về vật chứng của vụ án:

- Đối với chiếc máy xúc nhãn hiệu KOMASU màu vàng có Biển số đăng ký 37XA-0541 bị Phòng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh A tạm giữ ngày 27/12/2019. Quá trình điều tra xác định chiếc máy xúc nêu trên của chủ sở hữu hợp pháp là Công ty Bê tông P có trụ sở tại xóm Khe B, xã Nghĩa H, huyện Đ, tỉnh A. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh A đã ra Quyết định số 06 ngày 23/3/2020 trả lại chiếc máy xúc trên cho chủ sở hữu.

- Đối với 02 xe ô tô tải Biển kiểm soát 36C-282.23 và xe ô tô tải Biển kiểm soát 36C-178.83. Quá trình điều tra đã xác định 01 xe tải nhãn hiệu HOWO, BKS: 36C-78.83 đang tạm giữ của Cao Văn X của chủ sở hữu hợp pháp ông Mai Văn Quý, giám đốc Công ty ĐT, trú tại M, Tỉnh G, Tỉnh H và 01 chiếc xe tải nhãn hiệu HOWO, BKS: 36C- 282.23 đang tạm giữ của Lê Văn J của chủ sở hữu hợp pháp ông Lê Văn K. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh A đã ra Quyết định số 40 ngày 27/6/2020 trả lại 02 xe ô tô tải cho Nguyễn Văn V là người đã hợp đồng thuê xe của chủ sở hữu nêu trên.

- Đối với 26m<sup>3</sup> đất giàu sắt (do Trần Văn H tổ chức khai thác trái phép) bị Phòng cảnh sát Môi trường Công an tỉnh tạm giữ ngày 27/12/2019. Hiện tại Cơ quan điều tra đã lập biên bản giao trách nhiệm cho UBND xã N, huyện Đ, tỉnh A trông coi, bảo quản.

- Đối với 157.000kg đất giàu sắt do các đối tượng khai thác trái phép ngày 26 và ngày 27 tháng 12 năm 2019 hiện nay đang tập kết tại bãi đất của ông

Nguyễn Bá G thuộc xóm 1, xã Quỳnh V, thị xã M, tỉnh A. Do số khoáng sản trên hiện nay đang bị nhập chung vào sổ đất có giấy phép của ông Nguyễn Bá G nên Cơ quan điều tra không tách rời mà làm căn cứ xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Bá G và Nguyễn Văn V về hành vi mua bán khoáng sản không rõ nguồn gốc đồng thời tịch thu sung công quỹ nhà nước theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Tại Bản cáo trạng số 136/CT-VKS-P3 ngày 14/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A quyết định truy tố Trần Văn H về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 139/2020/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh A đã quyết định:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 06 (Sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo Trần Văn H.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/10/2020, bị cáo Trần Văn H có đơn kháng cáo với nội dung xin hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn H, giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Ngày 15/11/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án, bị cáo Trần Văn H có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do bị ốm, cảm hàn điều trị tại nhà. Phiên tòa phúc thẩm ngày 21/12/2021, bị cáo H tiếp tục được Tòa án triệu tập hợp lệ, vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 290, Điều 351 Luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo H.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo Trần Văn H tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; lời khai của bị cáo H phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; phù hợp với kết luận giám định

của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đủ căn cứ xác định: Vào các ngày 26, 27 tháng 12 năm 2019, Trần Văn H đã có hành vi khai thác trái phép 198.600 kg khoáng sản đất giàu sắt có giá trị 4.935.000 đồng (bốn triệu chín trăm ba mươi lăm ngàn đồng). Trước đó, H đã hai lần bị Ủy ban nhân dân xã N và Ủy ban nhân dân huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính tổng số tiền 46.500.000 đồng theo các Quyết định xử phạt hành chính số 39/QĐ-CT.UBND ngày 18/12/2018 của UBND xã N và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 702/QĐ-XPVPHC ngày 21/3/2019 của UBND huyện Đ về hành vi “Khai thác khoáng sản trái phép mà không có giấy phép khai thác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền”. Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết hành vi của bị cáo Trần Văn H về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo điểm đ khoản 1 Điều 227 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ của bị cáo Trần Văn H: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo xử phạt bị cáo 06 tháng tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp được tình tiết mới. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn H.

[4] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Trần Văn H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn H; giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 139/2020/HS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh A.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 06 (Sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về án phí: Bị cáo Trần Văn H phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh A;
- Công an tỉnh A;
- Cục THADS tỉnh A;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Lê Thị Thúy Bình**